TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hữu Hưởng

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 ngày 5 ngày 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sung Thị M, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Xóm T, xã H, huyện Đình Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hàng Vạng S, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sung Thị M trình bày như sau:

Chị và anh Hàng Vạng S kết hôn với nhau từ năm 2019, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2019 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu say về đánh đập vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không nghe, hai bên gia đình khuyên bảo cũng không được. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Năm 2021, hai gia đình đã bàn bạc để thống nhất ly hôn và gia đình đã thanh toán 10.000.000VNĐ tiền sính lễ cho gia đình anh S. Nay chị xác định không thể chung sống được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Hàng Chống D, sinh ngày 16/3/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để cháu Chống D cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị cũng không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản làm việc và các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Hàng Vạng S trình bày:

Về tình cảm, anh xác định anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chỉ được một thời gian thì tiếp tục mâu thuẫn. Đến cuối năm 2021, chị M đã bỏ đi khỏi nhà ở đâu không ai biết, đồng thời chặn hết tất cả các phương thức liên lạc, anh không có cơ hội hàn gắn tình cảm với chị M. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí. Anh cho rằng chị M phải trả nợ chung thì anh mới đồng ý giải quyết ly hôn.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Hàng Chống D, sinh ngày 16/3/2016. Hiện tại cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu và đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh chị có khoản nợ chung của bà Nguyễn Thị Hoa (trú tại Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn) số tiền 48.000.000VNĐ và nợ bà Tươi (trú tại Tiểu khu B, xã C, huyện Mai Sơn) số tiền 30.000.000VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh S và chị M tại Ban quản lý bản N, xã C và đại diện gia đình anh anh S.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Sung Thị M và anh Hàng Vạng S. Về con chung: Giao cháu Chống D, sinh ngày 16/3/2016 cho anh Hàng Vạng S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S do anh S. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Hàng Vạng S có nơi cư trú tại Bản N, xã C, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự lần thứ nhất nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Sung Thị M.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Sung Thị M và anh Hàng Vạng S kết hôn với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/02/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh S thường xuyên uống rượu say về đánh đập vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không nghe, hai bên gia đình khuyên bảo cũng không được nên đã sống ly thân từ năm 2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với anh S, anh không biết mâu thuẫn vợ chồng là gì và từ năm 2020 chị M bỏ nhà đi. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thể hiện anh S và chị M đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh S không nhất trí ly hôn nhưng nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị M cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị M đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Sung Thị M và anh Hàng Vạng S.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh S có 01 con chung là cháu Hàng Chống D, sinh ngày 16/3/2016. Trong thời gian ly thân, cháu D do anh S nuôi dưỡng. Anh S có nguyện vọng nuôi dưỡng con, chị Mai đề nghị giao cho cháu D cho anh S nuôi dưỡng. Do sự thống nhất của anh S và chị M, cần chấp nhận nguyện vọng của anh S và chị M, giao cháu Hàng Chống D, sinh ngày 16/3/2016 cho anh Hàng Vạng S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tại phiên tòa, anh S yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nhưng không chứng minh được điều kiện cấp dưỡng của chị M. Hội đồng xét xử nhận thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần buộc chị Sung Thị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S là 500.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành hoặc có quyết định khác có hiệu lực về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh S đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị M cho rằng không có nợ chung. Anh S cho rằng có khoản nợ chung của bà Nguyễn Thị Hoa (trú tại Tiểu khu 1, xã C, huyện Mai Sơn) số tiền 48.000.000VNĐ và nợ bà Tươi (trú tại Tiểu khu 2, xã C, huyện Mai Sơn) số tiền 30.000.000VNĐ. Tuy nhiên, anh S không cung cấp được tài liệu liên quan đến khoản nợ chung. Theo cung cấp của bị đơn, Tòa án đã xác minh xác định: Trên địa bàn Tiểu khu 1, xã C có 02 người tên là Nguyễn Thị Hoa nhưng đều không thừa nhận có cho Hàng Vạng S và Sung Thị M vay tiền; trên địa bàn Tiểu khu 2, xã C không có người tên là Tươi cư trú trên địa bàn. Tại phiên tòa, anh S cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh. Do đó, căn cứ vào Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không cung cấp được căn cứ chứng minh có khoản nợ chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết về

nợ chung vợ chồng trong vụ án này, cần tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi anh S có căn cứ chứng minh.

[2.5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sung Thị M và anh Hàng Vạng S.

2. Về con chung: Giao cháu Hàng Chống D, sinh ngày 16/3/2016 cho anh Hàng Vạng S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Chị M phải cáp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh S là 500.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành hoặc có quyết định khác có hiệu lực về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị M được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị M và anh S đều xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung vợ chồng: Tách yêu cầu giải quyết về nợ chung vợ chồng khi anh S có căn cứ chứng minh và có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Sung Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001618 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tráng A Tếnh